

Lời BBT: Ngày 22/12/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định số 35/2009/QĐ-UBND phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Bình đến năm 2020. Để giúp bạn đọc hiểu rõ hơn vấn đề này, Thông tin KH&CN xin đăng toàn văn Chiến lược trên.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG BÌNH ĐẾN NĂM 2020

MỞ ĐẦU

Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá (CNH-HĐH) đất nước.

Trong thời gian qua, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, đặc biệt là sự nỗ lực, cố gắng của các ngành, các cấp, của đội ngũ cán bộ KH&CN trong tỉnh, tiềm lực KH&CN đã được tăng cường, KH&CN đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, trình độ KH&CN trên địa bàn tỉnh ta hiện nay nhìn chung vẫn còn rất thấp so với các tỉnh, thành phố trong cả nước, năng lực nghiên cứu khoa học và sáng tạo công nghệ mới còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và CNH - HĐH.

Thách thức lớn nhất trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ta hiện nay là chất lượng tăng trưởng chưa ổn định, thiếu tính bền vững, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn chưa cao. Điều này đòi hỏi KH&CN phải có trách nhiệm lớn hơn góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và CNH-HĐH trên địa bàn tỉnh.

Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 nhằm mục tiêu tập trung xây dựng, phát triển và nâng cao năng lực KH&CN đạt trình độ trung bình tiên tiến, phấn đấu đưa KH&CN thực sự trở thành nền tảng và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và đẩy mạnh CNH-HĐH; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, đảm bảo ổn định đời sống của nhân dân.

I. QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Phát triển KH&CN là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp CNH - HĐH và đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh. Phát triển KH&CN là cơ sở cho đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong các ngành sản xuất và lĩnh vực của địa phương. Dựa vào KH&CN để chuyển đổi căn bản các hoạt động kinh tế hướng vào phát triển theo chiều sâu và bền vững, trên cơ sở khai thác hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên của tỉnh.

b) Phát triển KH&CN phải định hướng vào các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, củng cố quốc phòng và an ninh và nhu cầu thiết thực của đời sống xã hội của tỉnh, đồng thời các quy hoạch, chiến lược, chương trình phát triển kinh tế - xã hội phải có luận cứ khoa học và dựa vào KH&CN.

c) Bảo đảm sự gắn kết giữa KH&CN với giáo dục và đào tạo; giữa khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và KH&CN; giữa Trường Đại học, Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu triển khai và Doanh nghiệp.

d) Phát triển KH&CN phải trên cơ sở tiếp thu nhanh các thành tựu KH&CN trên thế giới, khu vực và trong nước, phát huy năng lực KH&CN nội sinh, nâng cao hiệu quả sử dụng tiềm lực KH&CN địa phương. Ngân sách Nhà nước chỉ đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên, cơ bản, công ích; khuyến khích và đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động nghiên cứu và dịch vụ KH&CN.

đ) Tạo cơ chế để phát huy cao độ năng lực sáng tạo của quần chúng, của các tổ chức KH&CN, của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, các tổ chức chính trị-xã hội và của mỗi công dân trong hoạt động KH&CN.

2. Phương hướng

a) Đẩy mạnh nghiên cứu KH&NV nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho quá trình đổi mới, hội nhập và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

b) Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu phục vụ công ích và nghiên cứu, điều tra cơ bản các tiềm năng thế mạnh trên địa bàn tỉnh.

c) Tăng cường năng lực nghiên cứu phát triển công nghệ, làm chủ công nghệ tiên tiến hiện đại, nhanh chóng nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm chủ yếu, của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế trên địa bàn tỉnh. d) ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ thích hợp cho khu vực nông thôn và miền núi, chú trọng các vùng đặc biệt khó khăn nhằm phát huy thế mạnh vùng miền, tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân.

đ) Tập trung đầu tư phát triển đội ngũ cán bộ KH&CN đủ về số lượng, có chất lượng cao, đạt tương đương trình độ các nước trong khu vực. Đẩy nhanh tốc độ hiện đại hoá cơ sở hạ tầng KH&CN đạt trình độ trung bình tiên tiến trong khu vực.

3. Mục tiêu

Phát triển KH&CN nhằm mục tiêu bảo đảm cung cấp luận cứ khoa học phục vụ phát triển bền vững kinh tế xã hội, đẩy nhanh sự nghiệp CNH, HĐH đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; góp phần quan trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng và phát triển năng lực KH&CN đạt trình độ trung bình tiên tiến so với các nước trong khu vực, đổi mới căn bản cơ chế quản lý KH&CN của tỉnh, cụ thể:

- Bảo đảm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ tham mưu, tư vấn, phản biện, xây dựng luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch và chương trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, gắn bó chặt chẽ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN với sản xuất, đời sống, nhu cầu xã hội; góp phần quan trọng vào việc tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, du lịch và dịch vụ.

- Thúc đẩy nhanh lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng: Đi thẳng vào công nghệ hiện đại tiên tiến; chuyển giao, làm chủ những công nghệ mới nhằm tạo bước tăng trưởng mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế tỉnh, ưu tiên các ngành công nghiệp mũi nhọn, tạo hàng hóa xuất khẩu như chế biến cao su, tinh bột sắn, lương thực, súc sản, thủy hải sản, gỗ, sản xuất xi măng, bia... và các ngành nghề truyền thống. Xây dựng năng lực công nghệ nội sinh trong các ngành trọng điểm, hỗ trợ nghiên cứu triển khai, cải tiến công nghệ, hoàn thành công nghệ mới phù hợp với yêu cầu của tỉnh, tạo ra sản phẩm hàng hoá có khả năng cạnh tranh. Đảm bảo tỷ trọng doanh nghiệp đạt chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng (ISO, SA, GMP, HACCP...) là 30% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020.

Phấn đấu đến năm 2020 trình độ và năng lực công nghệ của những ngành kinh tế ưu tiên của tỉnh đạt trình độ trung bình tiên tiến trong khu vực Đông Nam á.

Tạo cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển mạnh mẽ thị trường công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và phát triển nguồn lực KH&CN đủ mạnh, đảm bảo đủ khả năng tiếp thu, ứng dụng, làm

chủ và phát triển công nghệ hiện đại tiên tiến, đủ sức tổ chức nghiên cứu và giải quyết những nhiệm vụ KH&CN trọng điểm của tỉnh. Phấn đấu xây dựng hệ thống các tổ chức KH&CN của tỉnh đạt trình độ trung bình tiên tiến so với cả nước.

- Duy trì mức đầu tư kinh phí sự nghiệp KH&CN đạt ít nhất 2% tổng chi ngân sách địa phương và tăng dần qua các năm. Phấn đấu đưa mức đầu tư của toàn xã hội cho KH&CN đạt 1,0% GDP vào năm 2015 và 1,5% GDP vào năm 2020 trên cơ sở hoạt động ứng dụng các thành tựu KH&CN, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trở thành nhu cầu tự thân và phổ biến trong sản xuất và đời sống xã hội.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2020

Để đáp ứng các định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nêu trên, KH&CN từ nay đến năm 2020 cần tập trung giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Khoa học xã hội và nhân văn

a) Nghiên cứu lý luận và thực tiễn đảm bảo cung cấp luận cứ khoa học giúp cho Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh hoạch định các chủ trương, chính sách, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; triển khai và cụ thể hóa các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Nghiên cứu những vấn đề quản lý, kinh tế, chính trị, pháp luật, lịch sử, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, khoa học giáo dục, con người Quảng Bình về cơ sở lý luận và thực tiễn có kết hợp giữa truyền thống và hiện đại phục vụ cho quá trình công nghiệp hoá rút ngắn và phát triển bền vững; đồng thời để nâng cao nhận thức góp phần giữ gìn và bảo tồn bản sắc văn hoá các dân tộc trên địa bàn tỉnh và giáo dục truyền thống cách mạng cho nhân dân trong tỉnh và giới thiệu hình ảnh của Quảng Bình với bên ngoài.

c) Nghiên cứu cơ chế, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực và vùng của tỉnh (miền núi, đồng bằng, ven biển, đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế...).

d) Nghiên cứu giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, giải pháp tổ chức sản xuất trong các loại hình HTX, trang trại, kinh tế hộ và tổng kết thực tiễn các mô hình kinh tế, văn hóa, xã hội, các vấn đề xã hội có tính bức xúc... diễn ra trong tỉnh. Nghiên cứu về thị trường phục vụ phát triển sản xuất hàng hóa của tỉnh.

đ) Nghiên cứu sự tác động của thị trường đối với phát triển kinh tế-xã hội, các giai tầng xã hội và các chính sách xã hội đối với đông bào dân tộc ở các vùng sâu, vùng xa và vùng biên giới.

2. Khoa học tự nhiên

a) Nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng nhằm hỗ trợ cho quá trình lựa chọn, tiếp thu, thích nghi và cải tiến các công nghệ tiên tiến nhập từ ngoài vào địa phương, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu tiên tiến, công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, công nghệ sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng, bia, cao su và các sản phẩm trọng điểm của tỉnh.

b) Tiếp tục công tác điều tra cơ bản đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên và môi trường, nghiên cứu điều tra địa chất, lập bản đồ về các loại tài nguyên khoáng sản, xác định trữ lượng, chất lượng, địa điểm các loại tài nguyên để có kế hoạch đưa vào khai thác và sử dụng hợp lý và hiệu quả. Chú trọng nghiên cứu tiềm năng về đa dạng sinh học và các loại tài nguyên quý đang có nguy cơ cạn kiệt, đặc biệt là khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng.

c) Nghiên cứu bản chất, quy luật của tự nhiên và những tác động của chúng đến đời sống kinh tế - xã hội, từng bước nắm rõ quy luật, cơ chế hình thành và phát triển một số dạng thiên tai, tai biến địa chất nguy hiểm thường xảy ra ở địa phương làm cơ sở cho dự báo các biến động của tự nhiên để phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, phục vụ sản xuất kinh doanh, an ninh quốc phòng và đời sống xã hội.

3. Khoa học và Công nghệ

a) Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học

- Nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, ưu tiên trong lĩnh vực sản xuất nông - thủy sản, thực phẩm, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi,... Phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ sức khỏe và môi trường; đồng thời góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Thu hút, tập trung nguồn lực, đa dạng hóa hình thức đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư và nâng cao năng lực tiếp nhận và làm chủ công nghệ sinh học, chú trọng phòng ngừa dịch bệnh, xử lý môi trường, bảo tồn và phát triển các loài dược liệu quý hiếm, các giống cây trồng, vật nuôi mới và công nghệ sau thu hoạch phù hợp điều kiện sinh thái của địa phương.

- Nghiên cứu định hướng ứng dụng nhằm tạo tiền đề hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học trên địa bàn tỉnh.

b) Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông - lâm- ngư nghiệp

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong tất cả các khâu: giống, sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị hàng hóa gia tăng và hạn chế thấp nhất các thất thoát, giảm tình trạng xuất khẩu nguyên liệu thô, nâng cao giá trị hàng hóa... trong tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, đặc biệt chú trọng vào cây lúa, cao su, chăn nuôi đại gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản.

- Nghiên cứu các mô hình sản xuất kết hợp Nông Lâm Ngư theo quy mô trang trại phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng, chú trọng khai thác vùng gò đồi và vùng cát. Xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở một số địa bàn của tỉnh.

- Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới trong công tác thú y và bảo vệ thực vật kết hợp sử dụng hợp lý thuốc hóa học phòng trừ sâu bệnh nhằm tạo ra sản phẩm sạch.

c) Khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

- Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu KH&CN, các tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp thuộc thế mạnh và sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống của tỉnh, chú ý công nghệ phổ thông phục vụ nông nghiệp nông thôn, các công nghệ tiên tiến, hiện đại phục vụ sản xuất, chế biến nông - lâm - thủy hải sản, phục vụ phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường như công nghệ thông tin, điện tử, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học,...

- Nghiên cứu ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, ... nhằm cải thiện môi trường và đảm bảo nhu cầu điện cho các xã vùng sâu, vùng xa, ưu tiên phát triển thủy điện, phong điện, địa nhiệt và năng lượng biển.

d) Khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng và giao thông vận tải

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong thiết kế, kiến trúc, quy hoạch và xây dựng; kết hợp giữa kiến trúc hiện đại và kiến trúc truyền thống, giữ gìn bản sắc dân tộc; nghiên cứu các mô hình kiến trúc phù hợp cho các vùng miền trong tỉnh, chú trọng ứng dụng công nghệ sạch và tiết kiệm sử dụng năng lượng trong công trình.

- Đổi mới công nghệ, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nâng cao chất lượng các sản phẩm vật liệu xây dựng thuộc thế mạnh ưu tiên của tỉnh.

- Áp dụng và làm chủ công nghệ mới trong thi công như: móng sâu (cọc nhồi, tường barrette, tầng hầm...), Bê tông cốt thép ứng lực trước, kết cấu thép không gian, công nghệ xây nhà cho các vùng bão lụt, vùng sâu, vùng xa.

đ) Khoa học và công nghệ phục vụ du lịch

Điều tra, nghiên cứu phát triển và đa dạng hóa nhiều loại hình du lịch, chú trọng các sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường; nâng cao văn hóa và chất lượng sản phẩm du lịch...trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa mô hình hiện đại và truyền thống gắn liền với các giá trị lịch sử, bản sắc văn hóa, truyền thống của địa phương.

e) Khoa học và công nghệ phục vụ thương mại và dịch vụ

- Nghiên cứu các giải pháp nhằm đảm bảo lành mạnh và an ninh thương mại, dịch vụ; nâng cao chất lượng thương mại và dịch vụ đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân và bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của người tiêu dùng; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử.

- Nghiên cứu dự báo về xu thế phát triển của các thị trường hàng hóa và các giải pháp tiêu thụ, ưu tiên xuất khẩu các sản phẩm chủ yếu của tỉnh.

f) Khoa học và công nghệ phục vụ khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai

- Nghiên cứu quy hoạch và ứng dụng công nghệ khai thác đảm bảo tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tránh thất thoát, lãng phí, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Nghiên cứu xử lý nước thải trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhằm đảm bảo chất lượng môi trường.

- Nghiên cứu các biện pháp bảo vệ môi trường tại các lưu vực sông, hồ, đập chứa nước trên địa bàn; các giải pháp thu gom và xử lý chất thải rắn ở khu vực thành thị và nông thôn.

- Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phòng tránh thiên tai, tai biến địa chất.

g) Khoa học và công nghệ phục vụ y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, tiên tiến trong y tế nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chú trọng công tác khám chữa bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Áp dụng tiến bộ KH&CN vào trồng và chế biến dược liệu, ứng dụng vắc-xin sinh phẩm trong bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

h) Khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục và đào tạo

- Nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với nội dung và chương trình đào tạo mới theo chủ trương chung của nhà nước.

- Nghiên cứu phục vụ việc biên soạn các giáo trình gắn với đặc thù của địa phương.

- Nghiên cứu và áp dụng các phương thức gắn kết giữa đào tạo nghiên cứu - sản xuất. i) Khoa học và công nghệ phục vụ văn hoá và thể dục, thể thao - Nghiên cứu bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử văn hóa truyền thống và bản sắc văn hoá dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu phương thức đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, cơ quan văn hóa. Nghiên cứu hoàn chỉnh các thiết chế văn hoá cơ sở.

- Nghiên cứu nâng chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục về rèn luyện sức khỏe và phổ biến tri thức khoa học, công nghệ, y học thể dục thể thao và hướng dẫn tri thức thể dục - thể thao phổ thông cho nhân dân. áp dụng KH&CN tiên tiến, hiện đại trong công tác huấn luyện thể dục, thể thao.

k) Khoa học và công nghệ phục vụ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ

Nghiên cứu khoa học và tăng cường năng lực, tiềm lực trong các lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ phục vụ sản xuất kinh doanh, đời sống xã hội và hỗ trợ các doanh nghiệp hội nhập.

l) Khoa học và công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh

- Nghiên cứu các giải pháp KH&CN nhằm nâng cao chất lượng quản lý và đảm bảo trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu các mô hình kết hợp giữa xây dựng và bảo vệ tổ quốc, phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong bối cảnh hội nhập.

m) Khoa học và công nghệ phục vụ hội nhập

- Nghiên cứu các giải pháp, chính sách nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng hội nhập của các doanh nghiệp, ưu tiên các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa xuất khẩu và chủ yếu của tỉnh, trên cơ sở ứng dụng các thành tựu KH&CN, đổi mới công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO 9000, ISO 14.000, SA, TQM, HACCP...), xác lập, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ, khai thác thông tin tư liệu KH&CN.

- Nghiên cứu thúc đẩy liên kết hợp tác giữa Doanh nghiệp - Nhà nước - Tổ chức khoa học nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, các thành tựu KH&CN vào sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội;

n) Hợp tác khoa học và công nghệ

- Xây dựng các chương trình hợp tác KH&CN với các tỉnh, thành phố nhằm phối hợp giải quyết các vấn đề chung và phát huy lợi thế của mỗi bên.

- Hợp tác tổ chức chợ, chợ ảo và sàn giao dịch thiết bị và công nghệ:

- Hợp tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực: Công nghệ thông tin; công nghệ sinh học; công nghệ sản xuất vật liệu, công nghệ chế biến nông sản- lâm - thủy hải sản và các lĩnh vực thuộc lợi thế và tiềm năng của tỉnh.

- Hợp tác triển khai thí điểm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Hợp tác với các tỉnh của CHDCN Lào, Đông Bắc Thái Lan trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và biên giới quốc gia...

III. CÁC GIẢI PHÁP**1. Hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

Hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu KH&CN, cụ thể:

a) Về xác định nhiệm vụ KH&CN: cần huy động sự tham gia của các nhà khoa học, các nhà quản lý, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và các tổ chức, cá nhân khác..., để đưa ra nhu cầu thực tiễn cấp bách về nhiệm vụ KH&CN. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố phải tự chủ và chịu trách nhiệm việc xác định nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi phân công, phân cấp. Các đề tài được đề xuất phải có địa chỉ ứng dụng cụ thể. Khuyến khích hình thành các đề tài, dự án triển khai theo cơ chế "khép kín" từ khâu nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng đến chuyển giao để nâng cao tính khoa học, tính khả thi của kết quả nghiên cứu.

Tăng cường thực hiện cơ chế "đặt hàng" các nhiệm vụ KH&CN của Lãnh đạo tỉnh đối với các tổ chức và nhà khoa học.

Nghiên cứu chính sách hỗ trợ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật.

b) Về tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN: tiếp tục thực hiện phương thức giao trực tiếp, đồng thời mở rộng phương thức tuyển chọn trên nguyên tắc đảm bảo tính công khai, minh bạch và có tiêu chí lựa chọn rõ ràng trên cơ sở không ngừng nâng cao chất lượng xét chọn, tuyển chọn và sản phẩm nghiên cứu khoa học. Cần nghiên cứu cho phép các nhà nghiên cứu có quyền độc lập tự đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp chủ trì đề tài nghiên cứu trên cơ sở ràng buộc trách nhiệm pháp lý về kết quả nghiên cứu của mình trước pháp luật và cơ quan có thẩm quyền.

c) Đổi mới căn bản công tác đánh giá hoạt động KH&CN dựa trên những tiêu chuẩn rõ ràng, cụ thể, phù hợp với từng loại hình nghiên cứu. Cải tiến phương pháp và nâng cao chất lượng, tính khách quan của việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Hội đồng nghiệm thu phải bao gồm các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của đề tài. áp dụng phương thức phản biện kín trong đánh giá.

d) Đổi mới cơ chế theo hướng buộc phải áp dụng và áp dụng nhanh các kết quả nghiên cứu KH&CN vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội.

2. Đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động của các tổ chức KH&CN

a) Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức KH&CN của Nhà nước hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược và chính sách, nghiên cứu các lĩnh vực KH&CN trọng điểm và công ích trên các lĩnh vực: hoạt động KH&CN, tài chính, quản lý nhân sự và quan hệ hợp tác quốc tế.

b) Chuyển dần theo lộ trình các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp và tổ chức KH&CN tự trang trải kinh phí theo quy định của pháp luật.

c) Tạo cơ chế thông thoáng trong thu hút đầu tư nhằm hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN cao.

d) Thực hiện đánh giá định kỳ đối với các tổ chức KH&CN sử dụng kinh phí từ NSNN để có giải pháp điều chỉnh phù hợp trong từng giai đoạn.

d) Xây dựng cơ chế liên kết giữa trường đại học và tổ chức nghiên cứu và phát triển: xây dựng và thực hiện các quy chế về kiêm nhiệm chức vụ lãnh đạo và chuyên môn đối với các tổ chức nghiên cứu và phát triển và các trường đại học, khuyến khích cán bộ nghiên cứu thuộc các tổ chức nghiên cứu và phát triển tham gia giảng dạy, về dùng chung phòng thí nghiệm và thiết bị phục vụ nghiên cứu và giảng dạy.

e) Đẩy mạnh liên kết giữa trường đại học, tổ chức KH&CN và doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

3. Đổi mới cơ chế, chính sách đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN

Đổi mới cơ chế, chính sách tài chính là giải pháp chủ yếu, mang tính đột phá trong đổi mới cơ chế quản lý KH&CN. Đổi mới cơ chế quản lý tài chính phải trên nguyên tắc đảm bảo đạt trên 2% tổng chi ngân sách Nhà nước của tỉnh và tăng dần năm sau cao hơn năm trước, đồng thời cải tiến công tác cấp vốn cho KH&CN; xã hội hóa chi cho đầu tư KH&CN nhất là từ các doanh nghiệp nhằm giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước, cụ thể:

a) Đổi mới chính sách đầu tư, cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN và đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư cho KH&CN:

Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm được xác định trong Chiến lược phát triển KH&CN, các lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách và công ích, đặc biệt là các lĩnh vực có lợi thế của địa phương. Xây dựng quỹ phát triển KH&CN của tỉnh. Cho phép trích một phần kinh phí sự nghiệp kinh tế của tỉnh, huyện, thành phố để nghiên cứu khoa học, cung cấp các luận cứ khoa học phục vụ quy hoạch và triển khai thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các ngành và địa phương.

Tăng cường hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp về: hoạt động nghiên cứu triển khai, đổi mới công nghệ, xác lập, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9000, ISO 14000, SA, TQM, GMT, HACCP...), tham gia hội chợ và giải thưởng chất lượng Việt Nam... Tăng đầu tư cho hoạt động KH&CN để phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa và các vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp tăng đầu tư vào các lĩnh vực nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ.

Quy định rõ việc trích lập quỹ phát triển KH&CN tại các doanh nghiệp và quỹ phát triển sự nghiệp tại các đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật. Khuyến khích các doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp đầu tư nghiên cứu khoa học, ứng dụng các thành tựu KH&CN, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phải được đưa thành một nội dung quan trọng trong việc sử dụng Quỹ đầu tư và phát triển của doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp. Cho phép doanh nghiệp được vay vốn với các điều kiện ưu

đãi để đầu tư cho các dự án đổi mới KH&CN. Trên cơ sở các quy định của Bộ Tài chính về việc trích khấu hao tài sản cố định, nghiên cứu cho phép doanh nghiệp được khấu hao nhanh đối với tài sản, thiết bị, máy móc nhằm khuyến khích đổi mới công nghệ. Doanh nghiệp, tổ chức KH&CN có chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu KH&CN thuộc lĩnh vực ưu tiên của tỉnh sẽ được cấp kinh phí toàn bộ hoặc một phần theo quy định.

Tăng cường khai thác các nguồn vốn ngoài nước thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế bằng nhiều hình thức, như: hợp tác nghiên cứu, đào tạo; xây dựng các chương trình liên kết, hợp tác với các trung tâm đào tạo, các viện, tổ chức nghiên cứu lớn của trung ương theo quy định của pháp luật. Có chính sách phù hợp để kêu gọi, thu hút các nguồn vốn hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước vào hoạt động KH&CN theo quy định của pháp luật.

Thành lập Quỹ phát triển KH&CN tỉnh nhằm phục vụ phát triển sự nghiệp KH&CN của địa phương; đồng thời, hỗ trợ cho các doanh nghiệp dưới nhiều hình thức khác nhau để đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế. Nghiên cứu chính sách tạo điều kiện cho các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp được vay vốn của Quỹ phát triển KH&CN, Quỹ hỗ trợ phát triển (cho vay theo dự án KH&CN) với lãi suất ưu đãi, nhằm kích thích hoạt động nghiên cứu khoa học.

b) Hoàn thiện cơ chế sử dụng nguồn tài chính tạo động lực cho hoạt động KH&CN:

Áp dụng cơ chế khoán đối với đề tài, dự án KH&CN trong một số lĩnh vực KH&CN trên cơ sở thẩm định kỹ về nội dung, sản phẩm nghiên cứu và dự toán kinh phí thực hiện. Việc thanh, quyết toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án KH&CN phải căn cứ vào kết quả đánh giá chất lượng sản phẩm nghiên cứu là chủ yếu; bãi bỏ các thủ tục thanh, quyết toán không còn phù hợp trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Ban hành cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức KH&CN của Nhà nước. Không giới hạn mức thu nhập của cán bộ, viên chức trong các tổ chức KH&CN.

- a) Tăng quyền tự chủ về quản lý nhân lực của các tổ chức KH&CN.
- b) Xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cho cán bộ KH&CN.
- c) Tăng cường đào tạo và đào tạo lại nhân lực KH&CN, đặc biệt là trong những lĩnh vực còn thiếu và lĩnh vực ưu tiên.
- d) Thu hút chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ phát triển KH&CN.

5. Xây dựng và phát triển thị trường công nghệ

- a) Đẩy mạnh đổi mới cơ chế và chính sách kinh tế - xã hội nhằm tạo nhu cầu ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống
- b) Tạo lập môi trường pháp lý cho hoạt động của thị trường KH&CN. Khuyến khích kinh doanh các dịch vụ môi giới về thị trường công nghệ.
- c) Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại hoá của các sản phẩm KH&CN.
- d) Xây dựng trang thông tin điện tử về sản giao dịch công nghệ và thiết bị nhằm hỗ trợ cho việc mua bán công nghệ, thiết bị thường xuyên của doanh nghiệp.

6. Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

- a) Phát triển nguồn nhân lực KH&CN: Triển khai xây dựng và thực hiện dự án thu hút và phát triển nguồn nhân lực KH&CN tỉnh. Ban hành chính sách thu hút, trọng dụng và trọng đãi đội ngũ trí thức KH&CN theo quy định của pháp luật. Nhanh chóng xây dựng quy hoạch, đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ trí thức KH&CN. Xây dựng chính sách khuyến khích cán bộ KH&CN làm việc ở vùng nông thôn và những vùng có điều kiện khó khăn. Khen thưởng, đãi ngộ xứng đáng đối với tập thể và cá nhân có cống hiến. Hình thành Giải thưởng KH&CN của tỉnh để tôn vinh các cán bộ KH&CN có đóng góp lớn cho sự phát triển của tỉnh. Tập trung xây dựng một số tổ chức KH&CN và cơ sở hạ tầng đạt trình độ trung bình tiên tiến trong khu vực cho một số hướng KH&CN trọng điểm. Nâng cấp hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp - dạy nghề và các

tổ chức KH&CN của tỉnh quản lý, chú trọng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH. Điều chỉnh cơ cấu đào tạo theo hướng tăng đào tạo công nhân kỹ thuật, trung cấp kỹ thuật và cao đẳng kỹ thuật, chú trọng các ngành có khả năng thu hút đầu tư nước ngoài, thuộc diện ưu tiên phát triển KT-XH và các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh.

Đẩy mạnh việc gửi cán bộ, học sinh, sinh viên ưu tú của địa phương đi đào tạo ở các cơ sở nước ngoài có trình độ KH&CN tiên tiến, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao và các lĩnh vực thuộc lợi thế ưu tiên của tỉnh có cam kết thời gian phục vụ tối thiểu cho tỉnh sau khi tốt nghiệp.

Thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định của pháp luật để các trường đại học ở các tỉnh, thành phố lớn mở các phân hiệu đại học hoặc cơ sở đào tạo tại địa phương, nhất là những ngành thuộc lợi thế của tỉnh.

Thực hiện xã hội hoá đào tạo cán bộ KH&CN; kêu gọi Việt kiều chuyển giao tri thức, chuyển giao công nghệ về quê hương. Làm tốt công tác hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.

b)- Xây dựng một số cơ sở hạ tầng hiện đại cho các hướng KH&CN trọng điểm của tỉnh. Xây dựng một số phòng thí nghiệm được công nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đạt trình độ tương hợp với khu vực và quốc tế. Phát triển cơ sở hạ tầng hệ thống thông tin tư liệu về KH&CN.

c)- Huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính cho KH&CN

7. **Đổi mới công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ và các tổ chức khoa học và công nghệ**

a) Thực hiện cải cách hành chính trong cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN theo hướng tập trung vào nhiệm vụ quản lý nhà nước, tách nhiệm vụ sự nghiệp ra khỏi cơ quan hành chính, tăng cường chức năng giám sát, kiểm tra.

b) Nghiên cứu cụ thể hoá và thể chế hoá trách nhiệm quản lý nhà nước về KH&CN của các ngành, UBND các huyện, thành phố đảm bảo xác định rõ ràng về nhiệm vụ và rành mạch về phân cấp, để tránh sự chồng chéo.

c) Nâng cao vai trò và chất lượng tư vấn của Hội đồng KH&CN tỉnh; vai trò tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, các tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các chủ trương, chính sách, quyết định về quản lý KH&CN cũng như các chính sách, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Xây dựng hệ thống tổ chức nghiên cứu triển khai KH&CN của tỉnh trên quan điểm xã hội hoá mạnh mẽ hoạt động KH&CN. Tỉnh chỉ tập trung xây dựng một số tổ chức KH&CN trong một số hướng KH&CN trọng điểm; khuyến khích mọi tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thành lập các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

8. Tổ chức triển khai và cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật về khoa học và công nghệ Tổ chức triển khai và cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN trong tất cả các lĩnh vực: nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn bức xạ và hạt nhân, thông tin KH&CN...đúng theo quy định của pháp luật.

9. **Hợp tác quốc tế và trong nước về khoa học và công nghệ**

a) Mở rộng quan hệ liên kết, hợp tác quốc tế và trong nước về KH&CN:

Tăng cường mở rộng liên kết, quan hệ hợp tác KH&CN với bên ngoài nhằm tranh thủ thu hút các nguồn lực trong nước và quốc tế để phát triển KH&CN, nguồn lực KH&CN; tiếp thu công nghệ mới, công nghệ cao và các thành tựu KH&CN tiên tiến, hiện đại, những kinh nghiệm hữu ích nhằm từng bước nâng cao năng lực KH&CN.

Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích cán bộ KH&CN tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc

trích khấu hao
t bị, máy móc
n, đề tài nghiên
uy định.

tế bằng nhiều
trung tâm đào
ích phù hợp để
vào hoạt động

ịa địa phương;
ệ, đổi mới sản
tế. Nghiên cứu
riển KH&CN,
ng nghiên cứu

ên cơ sở thẩm
h kinh phí thực
à chủ yếu; bãi
hành cơ chế tự
nhập của cán

c còn thiếu và

các thành tựu

nh doanh các

ay dựng trang
nghe, thiết bị

và phát triển
hức KH&CN
ng cán bộ trí
à những vùng
a. Hình thành
của tỉnh. Tập
khu vực cho
y nghề và các

tế ở trong và ngoài nước, tham gia nghiên cứu khoa học và giảng dạy ở nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế. Triển khai các chương trình hợp tác nghiên cứu, chia sẻ thông tin KH&CN.

Có cơ chế cho phép các cơ sở sản xuất - kinh doanh, cơ sở nghiên cứu, các cơ quan hành chính - sự nghiệp, trường học hợp đồng, tuyển dụng hoặc hợp tác nghiên cứu với các chuyên gia giỏi trong và ngoài nước, trên nguyên tắc tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

b) Đa dạng hoá đối tác và hình thức hợp tác quốc tế và trong nước về KH&CN, lựa chọn đối tác chiến lược, gắn kết giữa hợp tác quốc tế về KH&CN với hợp tác quốc tế về kinh tế.

10. Đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng thành quả khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống

Cùng với đổi mới cơ chế quản lý KH&CN cần phải đẩy mạnh đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội nhằm tạo sự phù hợp tương thích và đồng bộ hóa hệ thống cơ chế quản lý.

Các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trước khi triển khai nhất thiết phải được thẩm định về mặt KH&CN. Thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến phản biện của các nhà khoa học đối với chủ trương, chính sách, các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh đến năm 2020; xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm phù hợp với Chiến lược phát triển KH&CN và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

b) Chủ trì tổ chức thực hiện cơ chế phối hợp trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổ chức thực hiện đổi mới cơ chế quản lý hoạt động KH&CN.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương đưa kế hoạch phát triển KH&CN, đào tạo nhân lực KH&CN vào kế hoạch 5 năm, hàng năm của sở, ngành và địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ huy động các nguồn lực tài trợ trong và ngoài nước cho đầu tư và phát triển KH&CN, đảm bảo kinh phí cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại, đào tạo nhân lực cho lĩnh vực KH&CN ưu tiên, trọng điểm.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ xác định tỷ lệ ngân sách hàng năm chi cho KH&CN, đảm bảo việc thực hiện chiến lược.

b) Hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính và chế độ quản lý tài chính đối với hoạt động KH&CN.

4. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan liên quan thực hiện cải cách hành chính trong công tác quản lý KH&CN.

b) Xây dựng các chính sách thu hút, trọng dụng, trọng đãi đối với cán bộ KH&CN; xây dựng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với tổ chức khoa học và công nghệ trình cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan liên quan xây dựng và triển khai thực hiện "Dự án thu hút và phát triển nguồn nhân lực KH&CN" của tỉnh.

5. Sở Ngoại vụ

Vận động các tổ chức Chính phủ, phi Chính phủ, các tổ chức quốc tế tài trợ cho các dự án KH&CN. Thu hút trí thức Việt kiều, chuyên gia nước ngoài tham gia vào các hoạt động KH&CN của tỉnh.

6. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh

a) Theo chức năng và nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN trong phạm vi thẩm quyền.

b) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu được giao trong Chiến lược.

7. UBND các huyện, thành phố

a) Chịu trách nhiệm phát triển KH&CN trên địa bàn theo thẩm quyền.

b) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch KH&CN 5 năm và hàng năm phù hợp với Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong cùng thời kỳ. 8. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh

Tổ chức huy động lực lượng cán bộ KH&CN các Hội khoa học kỹ thuật tham gia các hoạt động KH&CN của tỉnh. Đẩy mạnh công tác thông tin truyền bá kiến thức KH&CN cho các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Tăng cường hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với các quy hoạch, chương trình, dự án phát triển của tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)
Nguyễn Hữu Hoài**

Lời BBT: Ngày 04/02/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình. Thông tin KH&CN xin đăng toàn văn Quy định trên.

QUY ĐỊNH

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG BÌNH

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là tổ chức trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước và quản lý các dịch vụ công về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

2. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có tư cách pháp nhân, có con dấu và có tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Nghiên cứu, xây dựng trình Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ để trình cấp có thẩm quyền dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, văn bản triển khai thực hiện cơ chế, có sách và pháp luật của nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương;

2. Trình Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ban hành theo thẩm quyền hoặc đề Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình cấp có thẩm quyền ban hành chương trình, quy hoạch và kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm về phát triển hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, thử nghiệm, chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn;

3. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, quy hoạch, kế hoạch hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, quản lý đo lường, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức và pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá tại địa phương;

4. Giúp Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ:

4.1. Tổ chức việc xây dựng và tham gia xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương;

4.2. Tổ chức phổ biến áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài; hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn;

4.3. Tổ chức, quản lý, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện việc công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình và môi trường theo phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

4.4. Tiếp nhận bản công bố hợp chuẩn của tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa phương; tiếp nhận bản công bố hợp quy trong lĩnh vực được phân công và tổng hợp, trình Giám đốc Sở Khoa học và công nghệ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ về hoạt động công bố hợp chuẩn, hợp quy trên địa bàn;

4.5. Thực hiện nhiệm vụ thông báo và hỏi đáp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và hàng rào kỹ thuật trong thương mại trên địa bàn;

4.6. Tổ chức mạng lưới kiểm định, hiệu chuẩn về đo lường đáp ứng yêu cầu của địa phương; thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn về đo lường trong các lĩnh vực và phạm vi được công nhận;

4.7. Tổ chức thực hiện việc kiểm tra phép đo, hàng đóng gói sẵn theo định lượng; thực hiện các biện pháp để các tổ chức, cá nhân có thể kiểm tra phép đo, phương pháp đo;

4.8. Tổ chức thực hiện việc thử nghiệm phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn;

4.9. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra về nhãn hàng hoá, chất lượng sản phẩm hàng hoá lưu thông trên địa bàn, hàng hoá xuất khẩu, hàng hoá nhập khẩu theo phân công, phân cấp hoặc uỷ quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

5. Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn theo phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

6. Tổ chức triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương theo phân cấp hoặc uỷ quyền của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

7. Hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá cho các tổ chức, cá nhân có liên quan; tổ chức nghiên cứu, áp dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

8. Quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá; tổ chức việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí và các khoản thu khác liên quan đến hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo quy định của pháp luật;

9. Quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng và tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật;

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế

1. Lãnh đạo Chi cục

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng. Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục.

Việc bổ nhiệm, cách chức, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật Chi cục trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và quy định của pháp luật hiện hành. Phó Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật Phó Chi cục trưởng do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định theo đề nghị của Chi cục trưởng và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cơ cấu tổ chức:

a) Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng:

- Phòng Hành chính Tổng hợp
- Phòng quản lý Đo lường
- Phòng quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng

b) Tổ chức sự nghiệp trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng:

- Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm

Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và đơn vị sự nghiệp, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động và chịu sự lãnh đạo toàn diện của Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Giao cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trung tâm kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

3. Về biên chế:

Biên chế của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng được giao hàng năm trong tổng số biên chế hành chính, sự nghiệp của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các phòng nghiệp vụ trực thuộc Chi cục; đồng thời có biện pháp bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo chức danh, tiêu chuẩn nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức thuộc Chi cục thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ hiện hành.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hoài